

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **243**/GPMT-UBND

Yên Bái, ngày **29** tháng **5** năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều
của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Quyết định 19/2022/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2022 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định một số nội dung trong công
tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Yên Bái;*

*Xét báo cáo thẩm định báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường dự án
đầu tư mở rộng nhà máy chế biến gỗ tại Cụm công nghiệp Thịnh Hưng, huyện
Yên Bình, tỉnh Yên Bái số 122/BC-HĐTĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Hội
đồng thẩm định;*

*Xét đề nghị của Công ty TNHH Hoàng Gia Yên Bái tại Văn bản số 12/CV
ngày 03 tháng 4 năm 2023 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường để thực
hiện Dự án đầu tư mở rộng nhà máy chế biến gỗ (chỉnh sửa bổ sung tại Văn bản
số 36/CV-MT ngày 05 tháng 5 năm 2023) và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Yên Bái tại
Tờ trình số 194/TTr-STNMT ngày 19 tháng 5 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Hoàng Gia Yên Bái địa chỉ tại xã
Thịnh Hưng, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái được thực hiện các hoạt động bảo vệ
môi trường của Dự án đầu tư mở rộng nhà máy chế biến gỗ tại Cụm công nghiệp
Thịnh Hưng, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Dự án đầu tư mở rộng nhà máy chế biến gỗ tại Cụm công nghiệp Thịnh Hưng, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô CN3, CN5, Cụm công nghiệp Thịnh Hưng, xã Thịnh Hưng, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

1.3. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chế biến gỗ.

1.4. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Phạm vi: Dự án thực hiện trên diện tích 20,2 ha thuộc Cụm công nghiệp Thịnh Hưng.

- Quy mô: Dự án nhóm B (theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất thiết kế: Sản phẩm gỗ ván dán là 30.000m³/năm; gỗ ván sàn, ván MDF, ván HDF là 150.000 m³/năm; sản phẩm viên nén gỗ là 5.000 tấn/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả bụi, khí thải quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Thực hiện yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Thực hiện yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 05 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chủ đầu tư:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Chủ đầu tư có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Hoàn thiện các hạng mục công trình bảo vệ môi trường phải nâng cấp, cải tạo để phục vụ cho dây chuyền sản xuất ván dán hiện có trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép môi trường.

2.3. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải (bao gồm cả quá trình vận hành thử nghiệm) bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu

trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Ủy ban nhân dân tỉnh (*thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường*) để xem xét.


Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký Giấy phép.

Quyết định số 646/QĐ-UBND ngày 04/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất gỗ ván dán công suất 15.000m³/năm hết hiệu lực thi hành kể từ ngày giấy phép môi trường này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân huyện Yên Bình tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Công Thương, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Giám đốc Công ty TNHH Hoàng Gia Yên Bái; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Yên Bình; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Thịnh Hưng, huyện Yên Bình và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này/.

Nơi nhận: 

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch UBND tỉnh (báo cáo);
- Phó Chủ tịch TT UBND tỉnh;
- Phó CVP (TH) UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Trung tâm ĐHTM tỉnh;
- Lưu: VT, TNMT, NLN. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thế Phước

PHỤ LỤC 01:
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ BỤI, KHÍ THẢI VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI BỤI, KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 848/GPMT-UBND ngày 29/5/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ BỤI, KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải

1.1. Trong giai đoạn vừa hoạt động và thi công xây dựng

- Do hoạt động của các phương tiện, máy móc thi công xây dựng; máy móc vận chuyển nguyên vật liệu để xây dựng, hoạt động và vận chuyển sản phẩm đi tiêu thụ với các thông số như SO₂, NO_x, CO, VOC,...

- Do hoạt động của dây chuyền sản xuất ván dán hiện có với các thông số như: bụi, CO, SO₂, NO_x, phenol,...

1.2. Trong giai đoạn hoạt động

- Do hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu và vận chuyển sản phẩm đi tiêu thụ với các thông số như SO₂, NO_x, CO, VOC,...

- Do hoạt động của dây chuyền sản với các thông số như: bụi, CO, SO₂, NO_x, phenol,...

2. Dòng khí thải, vị trí xả bụi, khí thải

2.1. Trong giai đoạn vừa hoạt động và thi công xây dựng

a) Nguồn thải số 01: ống khói khu vực lò đốt cấp nhiệt cho nồi hơi 6 tấn tại xưởng SX-01

- Vị trí xả thải: tọa độ xả bụi, khí thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 104⁰ 45' múi chiếu 3⁰): X: 2402318 Y: 525826.

- Lưu lượng xả bụi, khí thải lớn nhất: 9.000 m³/giờ.

- Phương thức xả bụi, khí thải: xả bụi, khí thải liên tục (24 giờ).

- Chất lượng bụi, khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải, cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 19:2009/BTNMT Cột B, Kp=1, Kv = 1	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Bụi	mg/Nm ³	200	06 tháng/lần
2	SO ₂	mg/Nm ³	500	
3	NO _x	mg/Nm ³	850	
4	CO	mg/Nm ³	1.000	

b) Nguồn thải số 02: ống thải sau hệ thống xử lý khí thải các máy ép nóng tại xưởng SX01

- Vị trí xả thải: tọa độ xả bụi, khí thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $104^{\circ} 45'$ múi chiếu 3°): X: 2402310 Y: 525826

- Lưu lượng xả bụi, khí thải lớn nhất: $3.500 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

- Phương thức xả bụi, khí thải: xả bụi, khí thải liên tục (24 giờ).

- Chất lượng bụi, khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải, cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 20:2009/BTNMT	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Benzen	mg/Nm ³	5	01 năm/lần
2	Phenol	mg/Nm ³	19	
3	Xylen	mg/Nm ³	870	

c) Nguồn thải số 03: ống khói lò đốt cấp nhiệt cho nồi hơi 6 tấn tại xưởng SX-03

- Vị trí xả thải: tọa độ xả bụi, khí thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $104^{\circ} 45'$ múi chiếu 3°): X: 2402144 Y: 525572

- Lưu lượng xả bụi, khí thải lớn nhất: $4.600 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

- Phương thức xả bụi, khí thải: xả bụi, khí thải liên tục (24 giờ).

- Chất lượng bụi, khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải, cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 19:2009/BTNMT Cột B, Kp=1, Kv = 1	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Bụi	mg/Nm ³	200	06 tháng/lần
2	SO ₂	mg/Nm ³	500	
3	NO _x	mg/Nm ³	850	
4	CO	mg/Nm ³	1.000	

d) Nguồn thải số 04: ống thải sau hệ thống lọc bụi số 6 tại xưởng SX-03

- Vị trí xả thải: Tọa độ xả bụi, khí thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $104^{\circ} 45'$ múi chiếu 3°): X: 2402158 Y: 525634

- Lưu lượng xả bụi, khí thải lớn nhất: $27.600 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

- Phương thức xả bụi, khí thải: xả bụi, khí thải liên tục (24 giờ).

- Chất lượng bụi, khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải, cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 19:2009/BTNMT Cột B, Kp=0,9, Kv = 1	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Bụi	mg/Nm ³	180	06 tháng/lần

đ) Nguồn thải số 05: ống thải sau hệ thống lọc bụi số 7 tại xưởng SX-03

- Vị trí xả thải: tọa độ xả bụi, khí thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 104^o 45' múi chiếu 3^o): X: 2402177 Y: 525652

- Lưu lượng xả bụi, khí thải lớn nhất: 27.600m³/giờ.

- Phương thức xả bụi, khí thải: xả bụi, khí thải liên tục (24 giờ).

- Chất lượng bụi, khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải, cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 19:2009/BTNMT Cột B, Kp=0,9, Kv = 1	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Bụi	mg/Nm ³	180	06 tháng/lần

e) Nguồn thải số 06: ống thải sau hệ thống xử lý khí thải các máy ép nóng tại xưởng SX-03

- Vị trí xả thải: tọa độ xả bụi, khí thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 104^o 45' múi chiếu 3^o): X: 2402170 Y: 525652

- Lưu lượng xả bụi, khí thải lớn nhất: 3.500 m³/giờ.

- Phương thức xả bụi, khí thải: xả bụi, khí thải liên tục (24 giờ).

- Chất lượng bụi, khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải, cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 20:2009/BTNMT	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Benzen	mg/Nm ³	5	01 năm/lần
2	Phenol	mg/Nm ³	19	
3	Xylen	mg/Nm ³	870	

g) Nguồn thải số 07: ống khói lò đốt cấp nhiệt cho nồi hơi 6 tấn tại xưởng SX-05.

- Vị trí xả thải: tọa độ xả bụi, khí thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 104^o 45' múi chiếu 3^o): X: 2402302 Y: 525249.

- Lưu lượng xả bụi, khí thải lớn nhất: 9.000 m³/giờ.

- Phương thức xả bụi, khí thải: xả bụi, khí thải liên tục (24 giờ).

- Chất lượng bụi, khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải, cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 19:2009/BTNMT Cột B, Kp=1, Kv = 1	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Bụi	mg/Nm ³	200	06 tháng/lần
2	SO ₂	mg/Nm ³	500	
3	NO _x	mg/Nm ³	850	
4	CO	mg/Nm ³	1.000	

h) Nguồn thải số 08: ống khói lò đốt cấp nhiệt cho nồi hơi 10 tấn tại xưởng SX-05.

- Vị trí xả thải: Tọa độ xả bụi, khí thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 104⁰ 45' múi chiếu 3⁰): X: 2402186 Y: 525349.

- Lưu lượng xả bụi, khí thải lớn nhất: 15.100 m³/giờ.

- Phương thức xả bụi, khí thải: xả bụi, khí thải liên tục (24 giờ).

- Chất lượng bụi, khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải, cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 19:2009/BTNMT Cột B, Kp=1, Kv = 1	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Bụi	mg/Nm ³	200	06 tháng/lần
2	SO ₂	mg/Nm ³	500	
3	NO _x	mg/Nm ³	850	
4	CO	mg/Nm ³	1.000	

i) Nguồn thải số 09: ống thải sau hệ thống xử lý tại hệ thống lọc bụi số 1 tại xưởng SX-05

- Vị trí xả thải: tọa độ xả bụi, khí thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 104⁰ 45' múi chiếu 3⁰): X: 2402264 Y: 525367.

- Lưu lượng xả bụi, khí thải lớn nhất: 9.700 m³/giờ.

- Phương thức xả bụi, khí thải: xả bụi, khí thải liên tục (24 giờ).

- Chất lượng bụi, khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải, cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 19:2009/BTNMT Cột B, Kp=1, Kv = 1	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Bụi	mg/Nm ³	200	06 tháng/lần

k) Nguồn thải số 10: ống thải sau hệ thống xử lý tại hệ thống lọc bụi số 2 tại xưởng SX-05

- Vị trí xả thải: tọa độ xả bụi, khí thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 104⁰ 45' múi chiếu 3⁰): X: 2402267 Y: 525367.

- Lưu lượng xả bụi, khí thải lớn nhất: 14.000 m³/giờ.
- Phương thức xả bụi, khí thải: xả bụi, khí thải liên tục (24 giờ).
- Chất lượng bụi, khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải, cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 19:2009/BTNMT Cột B, Kp=1, Kv = 1	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Bụi	mg/Nm ³	200	06 tháng/lần

l) Nguồn thải số 11: ống thải sau hệ thống xử lý tại hệ thống lọc bụi số 3 tại xưởng SX-05

- Vị trí xả thải: tọa độ xả bụi, khí thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 104⁰ 45' múi chiếu 3⁰): X: 2402269 Y: 525378.

- Lưu lượng xả bụi, khí thải lớn nhất: 28.200 m³/giờ.
- Phương thức xả bụi, khí thải: xả bụi, khí thải liên tục (24 giờ).
- Chất lượng bụi, khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải, cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 19:2009/BTNMT Cột B, Kp=0,9, Kv = 1	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Bụi	mg/Nm ³	180	06 tháng/lần

m) Nguồn thải số 12: ống thải sau hệ thống xử lý tại hệ thống lọc bụi số 4 tại xưởng SX-05

- Vị trí xả thải: tọa độ xả bụi, khí thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 104⁰ 45' múi chiếu 3⁰): X: 2402289 Y: 525387.

- Lưu lượng xả bụi, khí thải lớn nhất: 28.200 m³/giờ.
- Phương thức xả bụi, khí thải: xả bụi, khí thải liên tục (24 giờ).
- Chất lượng bụi, khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải, cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 19:2009/BTNMT Cột B, Kp=0,9, Kv = 1	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Bụi	mg/Nm ³	180	06 tháng/lần

n) Nguồn thải số 13: ống thải sau hệ thống xử lý khí thải nồi nấu, trộn keo tại xưởng SX-05

- Vị trí xả thải: tọa độ xả bụi, khí thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 104⁰ 45' múi chiếu 3⁰): X: 2402196 Y: 525398

- Lưu lượng xả bụi, khí thải lớn nhất: 2.200 m³/giờ.
- Phương thức xả bụi, khí thải: xả bụi, khí thải liên tục (24 giờ).
- Chất lượng bụi, khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải, cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 20:2009/BTNMT	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Benzen	mg/Nm ³	5	01 năm/lần
2	Phenol	mg/Nm ³	19	
3	Xylen	mg/Nm ³	870	

o) Nguồn thải số 14: ống thải sau hệ thống xử lý khí thải các máy ép nóng tại xưởng SX-05

- Vị trí xả thải: tọa độ xả bụi, khí thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 104⁰ 45' múi chiếu 3⁰): X: 2402290 Y: 525344.

- Lưu lượng xả bụi, khí thải lớn nhất: 3.500 m³/giờ.
- Phương thức xả bụi, khí thải: xả bụi, khí thải liên tục (24 giờ).
- Chất lượng bụi, khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải, cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 20:2009/BTNMT	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Benzen	mg/Nm ³	5	01 năm/lần
2	Phenol	mg/Nm ³	19	
3	Xylen	mg/Nm ³	870	

2.2. Trong giai đoạn hoạt động

Ngoài việc xả thải đối với 14 ống thải trong giai đoạn vừa hoạt động và xây dựng nêu trên thì sau khi hoàn thành đầu tư mở rộng, chủ đầu tư xả bụi, khí thải với các thông tin như sau:

a) Nguồn thải số 15: ống khói lò đốt cấp nhiệt cho nồi hơi 6 tấn tại xưởng SX-02

- Vị trí xả thải: tọa độ xả bụi, khí thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 104⁰ 45' múi chiếu 3⁰): 2402343 Y: 525727

- Lưu lượng xả bụi, khí thải lớn nhất: 9.000 m³/giờ.
- Phương thức xả bụi, khí thải: xả bụi, khí thải liên tục (24 giờ).
- Chất lượng bụi, khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải, cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 19:2009/BTNMT Cột B, Kp=1, Kv = 1	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Bụi	mg/Nm ³	200	06 tháng/lần
2	SO ₂	mg/Nm ³	500	
3	NO _x	mg/Nm ³	850	
4	CO	mg/Nm ³	1.000	

b) Nguồn thải số 16: ống khói khu vực lò đốt cấp nhiệt cho nồi hơi 6 tấn tại xưởng SX-09

- Vị trí xả thải: tọa độ xả bụi, khí thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 104⁰ 45' múi chiều 3⁰): 2401876 Y: 525754

- Lưu lượng xả bụi, khí thải lớn nhất: 9.000 m³/giờ.

- Phương thức xả bụi, khí thải: xả bụi, khí thải liên tục (24 giờ).

- Chất lượng bụi, khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải, cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 19:2009/BTNMT Cột B, Kp=1, Kv = 1	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Bụi	mg/Nm ³	200	06 tháng/lần
2	SO ₂	mg/Nm ³	500	
3	NO _x	mg/Nm ³	850	
4	CO	mg/Nm ³	1.000	

c) Nguồn thải số 17: ống thải sau hệ thống lọc bụi khu vực sơn, sấy UV tại xưởng SX-09

- Vị trí xả thải: tọa độ xả bụi, khí thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 104⁰ 45' múi chiều 3⁰): X: 2401924 Y: 525745

- Lưu lượng xả bụi, khí thải lớn nhất: 28.200 m³/giờ.

- Phương thức xả bụi, khí thải: xả bụi, khí thải liên tục (24 giờ).

- Chất lượng bụi, khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải, cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 19:2009/BTNMT Cột B, Kp=0,9, Kv = 1	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Bụi	mg/Nm ³	180	06 tháng/lần

d) Nguồn thải số 18: ống thải sau hệ thống xử lý khí thải các máy ép nóng, trải thảm tại xưởng SX09

- Vị trí xả thải: tọa độ xả bụi, khí thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $104^{\circ} 45'$ múi chiếu 3°): X: 2401933 Y: 525877

- Lưu lượng xả bụi, khí thải lớn nhất: $3.500 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

- Phương thức xả bụi, khí thải: xả bụi, khí thải liên tục (24 giờ).

- Chất lượng bụi, khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải, cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 20:2009/BTNMT	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Benzen	mg/Nm ³	5	01 năm/lần
2	Phenol	mg/Nm ³	19	
3	Xylen	mg/Nm ³	870	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải trong giai đoạn vừa hoạt động và thi công xây dựng

1.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải trong giai đoạn hoạt động của dự án đã đầu tư (gồm 03 nhà xưởng sản xuất là SX-01, SX-03 và SX-05 sản xuất ván ép; 01 nhà kho là SX-04)

a) Xưởng SX-01

- Bụi, khí thải lò đốt cấp nhiệt cho nồi hơi 6 tấn: bụi, khí thải được thu gom, dẫn từ lò đốt qua các công đoạn xử lý bằng đường ống thép.

+ Công trình xử lý: 01 hệ thống gồm Xyclone, tháp phun sương, bể sục nước.

+ Quy trình vận hành: bụi, khí thải phát sinh được dẫn theo đường ống vào Xyclone. Sau đó, bụi, khí thải được đẩy vào tháp phun sương, vào bể sục nước trước khi thải được thải ra môi trường qua ống khói đường kính 0,8m, chiều cao 12m. Hằng ngày, bụi từ Xyclone sẽ được công nhân thu gom đưa về khu vực tập kết chất thải rắn sản xuất. Nước thải và tro cặn của bể sục nước được xử lý với công trình và quy trình như nêu tại Phụ lục 02 Giấy phép này. Chủ đầu tư hoàn thành việc nâng chiều cao ống thải lên độ cao 20 m trong thời gian 02 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép môi trường.

Hóa chất sử dụng: không sử dụng.

- Bụi khu vực máy chà, cắt (Hệ thống lọc bụi số 5): bụi được thu gom, dẫn từ vị trí phát sinh bụi của các máy chà, cắt bằng hệ thống các đường ống nhựa, đường ống thép về công trình xử lý.

+ Công trình xử lý: gồm 01 hệ thống lọc bụi túi kèm theo đó là hệ thống quạt hút.

+ Quy trình vận hành: bụi phát sinh từ các máy chà, cắt theo đường ống thu gom về hệ thống lọc bụi túi dưới tác dụng của quạt hút. Tại hệ thống lọc bụi túi các hạt bụi sẽ được giữ lại trên bề mặt túi lọc và định kỳ tự động rung giữ bụi để

làm sạch túi lọc. Bụi sau rung giữ rơi xuống đáy hệ thống xử lý và được xả ra ngoài qua vít tải. Khí sạch được thoát ra ngoài qua các khe hở trên túi lọc (không có ống thổi ra môi trường). Bụi thu từ hệ thống lọc bụi được đóng bao đưa về khu tập kết chất thải rắn sản xuất và hiện nay được bán cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu và kết hợp làm nguyên liệu cho lò đốt tại Nhà máy.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: không sử dụng.

- Khí thải các máy ép nóng: đầu tư bổ sung chụp hút và đường ống thu gom khí thải tại từng máy ép nóng về công trình xử lý (tại mỗi máy ép có 01 chụp hút: chiều dài 03 m, chiều rộng 0,6 m); 01 tháp hấp phụ bằng than hoạt tính. Chủ đầu tư hoàn thành việc đầu tư công trình xử lý này trong thời gian 02 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép môi trường.

+ Quy trình vận hành: tại vị trí các máy ép nóng, hơi keo phát sinh sẽ được thu gom qua chụp hút và đường ống vào tháp hấp phụ thông qua quạt hút. Trong tháp hấp phụ, khí thải sẽ đi qua lớp vật liệu hấp phụ than hoạt tính, các chất ô nhiễm trong khí thải sẽ được hấp phụ vào trong các mao quản của vật liệu hấp phụ. Khí sạch được thải ra ngoài qua ống thổi đường kính 0,35 m, chiều cao 10 m. Định kỳ 3-6 tháng/lần thực hiện thay lớp than hoạt tính. Than sau khi thải bỏ được đưa về kho lưu giữ chất thải nguy hại, thuê đơn vị thu gom, xử lý theo quy định.

+ Vật liệu sử dụng cho xử lý khí thải: than hoạt tính.

b) Xưởng SX-03

- Bụi, khí thải lò đốt cấp nhiệt nồi hơi 6 tấn: bụi, khí thải được thu gom, dẫn từ lò đốt qua các công đoạn xử lý bằng đường ống thép.

+ Công trình xử lý: gồm buồng lắng bụi, tháp phun sương.

+ Quy trình vận hành: bụi, khí thải phát sinh được dẫn theo đường ống vào buồng lắng bụi. Sau đó, bụi, khí thải được đẩy vào tháp phun sương trước khi thải được thải ra môi trường qua ống khói đường kính 0,4 m, chiều cao 16 m. Hằng ngày, bụi từ buồng lắng bụi sẽ được công nhân thu gom đưa về khu vực tập kết chất thải rắn sản xuất. Nước thải và tro cặn của bể sục nước được xử lý với công trình và quy trình như nêu tại Phụ lục 2 Giấy phép này. Chủ đầu tư hoàn thành việc nâng chiều cao ống thổi lên độ cao 20 m trong thời gian 02 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép môi trường.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: không sử dụng.

- Bụi các máy chà, cắt (hệ thống lọc bụi số 6): bụi được thu gom, dẫn từ vị trí phát sinh bụi của các máy chà, cắt bằng hệ thống các đường ống nhựa, đường ống thép về công trình xử lý.

+ Công trình xử lý: gồm 01 hệ thống lọc bụi túi kèm theo đó là hệ thống quạt hút.

+ Quy trình vận hành: bụi phát sinh từ các máy chà, cắt theo đường ống thu gom về hệ thống lọc bụi túi dưới tác dụng của quạt hút. Tại hệ thống lọc bụi túi các hạt bụi sẽ được giữ lại trên bề mặt túi lọc và định kỳ tự động rung giữ bụi để làm sạch túi lọc. Bụi sau rung giữ rơi xuống đáy hệ thống xử lý và được xả ra ngoài qua vít tải. Khí sạch được thải ra môi trường qua ống thổi đường kính 0,45 m, chiều cao 2,5 m. Bụi thu từ hệ thống lọc bụi được đóng bao đưa về khu tập kết

chất thải rắn sản xuất và hiện nay được bán cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu và kết hợp làm nguyên liệu cho lò đốt tại Nhà máy. Chủ đầu tư hoàn thành việc bao che kín xung quanh khu vực xả bụi từ hệ thống xử lý bụi xuống nền để hạn chế tối đa việc phát tán bụi ra xung quanh trong thời gian 02 tháng kể từ ngày được cấp Giấy phép môi trường.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: không sử dụng.

- Bụi các máy chà, cắt (hệ thống lọc bụi số 7): bụi được thu gom, dẫn từ vị trí phát sinh bụi của các máy chà, cắt bằng hệ thống các đường ống nhựa, đường ống thép về công trình xử lý.

+ Công trình xử lý: gồm 01 hệ thống lọc bụi túi kèm theo đó là hệ thống quạt hút.

+ Quy trình vận hành: bụi phát sinh từ các máy chà, cắt theo đường ống thu gom về hệ thống lọc bụi túi dưới tác dụng của quạt hút. Tại hệ thống lọc bụi túi các hạt bụi sẽ được giữ lại trên bề mặt túi lọc và định kỳ tự động rung giữ bụi để làm sạch túi lọc. Bụi sau rung giữ rơi xuống đáy hệ thống xử lý và được xả ra ngoài qua vít tải. Khí sạch được thải ra môi trường qua ống thải đường kính 0,45 m, chiều cao 08 m. Bụi thu từ hệ thống lọc bụi được đóng bao đưa về khu tập kết chất thải rắn sản xuất và hiện nay được bán cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu và kết hợp làm nguyên liệu cho lò đốt tại Nhà máy. Chủ đầu tư hoàn thành việc bao che kín xung quanh khu vực xả bụi từ hệ thống xử lý bụi xuống nền để hạn chế tối đa việc phát tán bụi ra xung quanh trong thời gian 02 tháng kể từ ngày được cấp Giấy phép môi trường.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: không sử dụng.

- Khí thải các máy ép nóng: đầu tư bổ sung chụp hút và đường ống thu gom khí thải tại từng máy ép nóng về công trình xử lý (*tại mỗi máy ép có 01 chụp hút: chiều dài 03 m, chiều rộng 0,6 m*); 01 tháp hấp phụ bằng than hoạt tính. Chủ đầu tư hoàn thành việc đầu tư công trình xử lý này trong thời gian 02 tháng kể từ ngày được cấp Giấy phép môi trường.

+ Quy trình vận hành: tại vị trí các máy ép nóng, hơi keo phát sinh sẽ được thu gom qua chụp hút và đường ống vào tháp hấp phụ thông qua quạt hút. Trong tháp hấp phụ, khí thải sẽ đi qua lớp vật liệu hấp phụ than hoạt tính, các chất ô nhiễm trong khí thải sẽ được hấp phụ vào trong các mao quản của vật liệu hấp phụ. Khí sạch được thải ra ngoài qua ống thải đường kính 0,35 m, chiều cao 10 m. Định kỳ 3-6 tháng/lần thực hiện thay lớp than hoạt tính. Than sau khi thải bỏ được đưa về kho lưu giữ chất thải nguy hại, thuê đơn vị thu gom, xử lý theo quy định.

+ Vật liệu sử dụng cho xử lý khí thải: than hoạt tính.

c) Xưởng SX-05

- Bụi, khí thải lò đốt cấp nhiệt cho nồi hơi 6 tấn: bụi, khí thải được thu gom, dẫn từ lò đốt qua các công đoạn xử lý bằng đường ống thép.

+ Công trình xử lý: gồm 02 buồng lắng bụi, bể sục nước.

+ Quy trình vận hành: bụi, khí thải phát sinh được dẫn theo đường ống vào buồng lắng bụi (*theo trình tự từ buồng số 01 sang buồng số 02*). Sau đó, bụi, khí thải được quạt hút đẩy và sục vào bể sục nước. Sau đó, bụi, khí thải được thải ra

môi trường qua ống khói đường kính 0,6 m, chiều cao 40 m. Hằng ngày, bụi từ đáy buồng lắng sẽ được công nhân thu gom đưa về khu vực tập kết chất thải rắn sản xuất. Nước thải và tro cặn của bể sục nước được xử lý với công trình và quy trình như nêu tại Phụ lục 2 Giấy phép này.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không sử dụng.

- Bụi, khí thải lò đốt cấp nhiệt cho nồi hơi 10 tấn: bụi, khí thải được thu gom, dẫn từ lò đốt qua các công đoạn xử lý bằng đường ống thép.

+ Công trình xử lý: gồm 01 buồng lắng bụi, 01 tháp phun xương và 01 bể chứa nước tuần hoàn của tháp phun xương.

+ Quy trình vận hành: bụi, khí thải phát sinh được dẫn theo đường ống vào buồng lắng bụi. Sau đó, bụi, khí thải được quạt hút đẩy vào tháp phun xương. Sau đó, bụi, khí thải được thải ra môi trường qua ống khói đường kính 0,6 m, chiều cao 30 m. Hằng ngày, bụi từ đáy buồng lắng sẽ được công nhân thu gom đưa về khu vực tập kết chất thải rắn sản xuất. Nước thải và tro cặn của bể sục nước được xử lý với công trình và quy trình như nêu tại Phụ lục 2 Giấy phép này.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: không sử dụng.

- Bụi các máy chà, cắt (*hệ thống lọc bụi số 1*): bụi được thu gom, dẫn từ vị trí phát sinh bụi của các máy chà, cắt bằng hệ thống các đường ống nhựa, đường ống thép về công trình xử lý.

+ Công trình xử lý: gồm 01 hệ thống lọc bụi túi kèm theo đó là hệ thống quạt hút.

+ Quy trình vận hành: bụi phát sinh từ các máy chà, cắt theo đường ống thu gom về hệ thống lọc bụi túi dưới tác dụng của quạt hút. Tại hệ thống lọc bụi túi các hạt bụi sẽ được giữ lại trên bề mặt túi lọc và định kỳ tự động rung giữ bụi để làm sạch túi lọc. Bụi sau rung giữ rơi xuống đáy hệ thống xử lý và được xả ra ngoài qua vít tải. Khí sạch được thải ra môi trường qua ống thải đường kính 0,8 m, chiều cao 30 m. Bụi thu từ hệ thống lọc bụi được đóng bao đưa về khu tập kết chất thải rắn sản xuất và hiện nay được bán cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu và kết hợp làm nguyên liệu cho lò đốt tại Nhà máy.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: không sử dụng.

- Bụi các máy chà, cắt (*hệ thống lọc bụi số 2*): bụi được thu gom, dẫn từ vị trí phát sinh bụi của các máy chà, cắt bằng hệ thống các đường ống nhựa, đường ống thép về công trình xử lý.

+ Công trình xử lý: gồm 01 hệ thống lọc bụi túi kèm theo đó là hệ thống quạt hút.

+ Quy trình vận hành: bụi phát sinh từ các máy chà, cắt theo đường ống thu gom về hệ thống lọc bụi túi dưới tác dụng của quạt hút. Tại hệ thống lọc bụi túi các hạt bụi sẽ được giữ lại trên bề mặt túi lọc và định kỳ tự động rung giữ bụi để làm sạch túi lọc. Bụi sau rung giữ rơi xuống đáy hệ thống xử lý và được xả ra ngoài qua vít tải. Khí sạch được thải ra môi trường qua ống thải đường kính 0,8 m, chiều cao 30 m. Bụi thu từ hệ thống lọc bụi được đóng bao đưa về khu tập kết chất thải rắn sản xuất và hiện nay được bán cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu và kết hợp làm nguyên liệu cho lò đốt tại Nhà máy.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: không sử dụng.

- Bụi các máy chà, cắt (*hệ thống lọc bụi số 3*): bụi được thu gom, dẫn từ vị trí phát sinh bụi của các máy chà, cắt bằng hệ thống các đường ống nhựa, đường ống thép về công trình xử lý.

+ Công trình xử lý: gồm 01 hệ thống lọc bụi túi kèm theo đó là hệ thống quạt hút.

+ Quy trình vận hành: bụi phát sinh từ các máy chà, cắt theo đường ống thu gom về hệ thống lọc bụi túi dưới tác dụng của quạt hút. Tại hệ thống lọc bụi túi các hạt bụi sẽ được giữ lại trên bề mặt túi lọc và định kỳ tự động rung giữ bụi để làm sạch túi lọc. Bụi sau rung giữ rơi xuống đáy hệ thống xử lý và được xả ra ngoài qua vít tải. Khí sạch được thải ra môi trường qua ống thải đường kính 0,3 m, chiều cao hiện tại 1,5 m. Chủ đầu tư hoàn thành việc nâng chiều cao ống thải lên độ cao 30 m trong thời gian 02 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép môi trường. Bụi thu từ hệ thống lọc bụi được đóng bao đưa về khu tập kết chất thải rắn sản xuất và hiện nay được bán cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu và kết hợp làm nguyên liệu cho lò đốt tại Nhà máy.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: không sử dụng.

- Bụi hệ thống sơn UV (*hệ thống lọc bụi số 4*): bụi được thu gom, dẫn từ vị trí phát sinh bụi của các máy chà, sơn UV, đánh bóng bằng hệ thống các đường ống nhựa, đường ống thép về công trình xử lý.

+ Công trình xử lý: gồm 01 hệ thống lọc bụi túi kèm theo đó là hệ thống quạt hút.

+ Quy trình vận hành: bụi phát sinh từ các máy chà, sơn UV, đánh bóng theo đường ống thu gom về hệ thống lọc bụi túi dưới tác dụng của quạt hút. Tại hệ thống lọc bụi túi các hạt bụi sẽ được giữ lại trên bề mặt túi lọc và định kỳ tự động rung giữ bụi để làm sạch túi lọc. Bụi sau rung giữ rơi xuống đáy hệ thống xử lý và được xả ra ngoài qua vít tải. Khí sạch được thải ra môi trường qua ống thải đường kính 0,6 m, chiều cao hiện tại 04 m. Chủ đầu tư hoàn thành việc nâng chiều cao ống thải lên độ cao 30 m trong thời gian 02 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép môi trường. Bụi thu từ hệ thống lọc bụi được đóng bao đưa về khu tập kết chất thải rắn sản xuất và hiện nay được bán cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu và kết hợp làm nguyên liệu cho lò đốt tại Nhà máy.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: không sử dụng.

- Khí thải nồi nấu, trộn keo: đầu tư bổ sung đường ống thu gom khí thải tại từng nồi nấu, trộn keo về công trình xử lý; 01 tháp hấp phụ bằng than hoạt tính. Chủ đầu tư hoàn thành việc đầu tư công trình xử lý này trong thời gian 02 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép môi trường.

+ Quy trình vận hành: tại vị trí bồn nấu, trộn keo, hơi keo và dung môi hữu cơ phát sinh sẽ được thu gom qua đường ống nhựa vào tháp hấp phụ thông qua quạt hút. Trong tháp hấp phụ, khí thải sẽ đi qua lớp vật liệu hấp phụ than hoạt tính, các chất ô nhiễm trong khí thải sẽ được hấp phụ vào trong các mao quản của vật liệu hấp phụ. Khí sạch được thải ra ngoài qua ống thải đường kính 0,3 m, chiều cao 05 m. Định kỳ 3-6 tháng/lần thực hiện thay lớp than hoạt tính. Than sau khi

thải bỏ được đưa về kho lưu giữ chất thải nguy hại, thuê đơn vị thu gom, xử lý theo quy định.

+ Vật liệu sử dụng cho xử lý khí thải: than hoạt tính.

- Khí thải các máy ép nóng: đầu tư bổ sung chụp hút và đường ống thu gom khí thải tại từng máy ép nóng về công trình xử lý (*tại mỗi máy ép có 01 chụp hút: chiều dài 03 m, chiều rộng 0,6 m*); 01 tháp hấp phụ bằng than hoạt tính. Chủ đầu tư hoàn thành việc đầu tư công trình xử lý này trong thời gian 02 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép môi trường.

+ Quy trình vận hành: tại vị trí các máy ép nóng, hơi keo phát sinh sẽ được thu gom qua chụp hút và đường ống vào tháp hấp phụ thông qua quạt hút. Trong tháp hấp phụ, khí thải sẽ đi qua lớp vật liệu hấp phụ than hoạt tính, các chất ô nhiễm trong khí thải sẽ được hấp phụ vào trong các mao quản của vật liệu hấp phụ. Khí sạch được thải ra ngoài qua ống thải đường kính 0,4 m, chiều cao 08 m. Định kỳ 3-6 tháng/lần thực hiện thay lớp than hoạt tính. Than sau khi thải bỏ được đưa về kho lưu giữ chất thải nguy hại, thuê đơn vị thu gom, xử lý theo quy định.

+ Vật liệu sử dụng cho xử lý khí thải: than hoạt tính.

1.2. Các biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải trong giai đoạn thi công xây dựng mở rộng nhà máy (bổ sung thêm 05 nhà xưởng, trong đó nhà xưởng sản xuất là SX-02, SX-09; nhà kho là SX-06, SX-07, SX-08,)

Tưới nước giảm bụi với tần suất tối thiểu 1 lần/ngày vào những ngày thời tiết nắng nóng bên trong khu vực thi công, đường nội bộ dự án và đường Hoàng Thi phía trước dự án (*chiều dài tuyến đường thực hiện tưới nước khoảng 500 m tính từ điểm dự án đầu nối với đường Hoàng Thi*); sử dụng phương tiện vận chuyển, thi công được kiểm định theo quy định; xe chở vật liệu xây dựng được che chắn để tránh phát tán bụi; quây tôn xung quanh khu vực diễn ra hoạt động thi công (*chiều cao 3 m*); tiến hành phun rửa tất cả các xe vận chuyển trước khi ra khỏi công trường; thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi trên các tuyến đường khu vực tiếp cận công trường thi công tại vị trí giao cắt với đường Hoàng Thi.

2. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải trong giai đoạn hoạt động

Tiếp tục duy trì hoạt động các hệ thống xử lý bụi của dây chuyền sản xuất hiện có như nêu tại trong giai đoạn vừa hoạt động và vừa xây dựng thì trong quá trình đầu tư mở rộng. Trong đó, riêng bụi gỗ từ các hệ thống xử lý bụi được tái sử dụng làm nguyên liệu sản xuất viên nén, ván MDF, ván HDF.

Chủ đầu tư đầu tư bổ sung thêm các hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải như sau:

2.1. Bụi, khí thải sinh ra từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm của nhà máy

Điều tiết các phương tiện ra vào dự án hợp lý; thường xuyên quét dọn, vệ sinh khu vực tập kết nguyên liệu, khu vực kho và khu vực xe vận chuyển để hạn chế tối đa bụi phát tán từ mặt đất; trang bị bảo hộ lao động như khẩu trang chống bụi, mắt kính chuyên dùng, găng tay... cho công nhân; trồng cây xanh trong khuôn viên dự án.

2.2. Bụi, khí thải sản xuất tại xưởng SX-02 (viên nén)

- Bụi phát sinh từ công đoạn băm, nghiền: bụi được thu gom, dẫn từ vị trí phát sinh bụi của các máy băm, nghiền bằng hệ thống các đường ống nhựa, đường ống thép về công trình xử lý.

+ Công trình xử lý: bố trí 01 hệ thống lọc bụi túi kèm theo đó là hệ thống quạt hút.

+ Quy trình vận hành: bụi phát sinh từ các máy băm, nghiền theo đường ống thu gom về hệ thống lọc bụi túi dưới tác dụng của quạt hút. Tại hệ thống lọc bụi túi các hạt bụi sẽ được giữ lại trên bề mặt túi lọc và định kỳ tự động rung giữ bụi để làm sạch túi lọc. Bụi sau rung giữ rơi xuống đáy hệ thống xử lý và được xả ra ngoài qua vít tải. Khí sạch được thoát ra ngoài qua các khe hở trên túi lọc (không có ống thải ra môi trường). Bụi thu từ hệ thống lọc bụi được đóng bao và chuyển sang làm nguyên liệu sản xuất viên nén, ván MDF, ván HDF.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: không sử dụng.

- Bụi phát sinh từ công đoạn sàng phân loại, ép viên: bụi được thu gom, dẫn từ vị trí phát sinh bụi của các máy sàng phân loại, ép viên bằng hệ thống các đường ống nhựa, đường ống thép về công trình xử lý.

+ Công trình xử lý: gồm 01 hệ thống lọc bụi túi kèm theo đó là hệ thống quạt hút.

+ Quy trình vận hành: bụi phát sinh từ các máy sàng phân loại, ép viên theo đường ống thu gom về hệ thống lọc bụi túi dưới tác dụng của quạt hút. Tại hệ thống lọc bụi túi các hạt bụi sẽ được giữ lại trên bề mặt túi lọc và định kỳ tự động rung giữ bụi để làm sạch túi lọc. Bụi sau rung giữ rơi xuống đáy hệ thống xử lý và được xả ra ngoài qua vít tải. Khí sạch được thoát ra ngoài qua các khe hở trên túi lọc (không có ống thải ra môi trường). Bụi thu từ hệ thống lọc bụi được đóng bao và chuyển sang làm nguyên liệu sản xuất viên nén, ván MDF, ván HDF.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: không sử dụng.

- Bụi, khí thải lò đốt cấp nhiệt nồi hơi: bụi, khí thải được thu gom, dẫn từ lò đốt qua các công đoạn xử lý bằng đường ống thép.

+ Công trình xử lý: gồm 01 hệ thống Xyclone, tháp phun sương, bể sục nước.

+ Quy trình vận hành: bụi, khí thải phát sinh được dẫn theo đường ống vào Xyclone. Sau đó, bụi, khí thải được đẩy vào tháp phun sương, vào bể sục nước trước khi thải được thải ra môi trường qua ống khói đường kính 0,8 m, chiều cao 20 m. Hằng ngày, bụi từ Xyclone sẽ được công nhân thu gom đưa về khu vực tập kết chất thải rắn sản xuất. Nước thải và tro cặn của bể sục nước được xử lý với công trình và quy trình như nêu tại Phụ lục 2 Giấy phép này.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: không sử dụng.

2.3. Bụi, khí thải sản xuất xưởng SX -09 (ván MDF, HDF)

- Bụi phát sinh từ quá trình băm, nghiền: bụi được thu gom, dẫn từ vị trí phát sinh bụi của các máy băm, nghiền bằng hệ thống các đường ống nhựa, đường ống thép về công trình xử lý.

+ Công trình xử lý: gồm 01 hệ thống lọc bụi túi kèm theo đó là hệ thống quạt hút.

+ Quy trình vận hành: bụi phát sinh từ các máy bằm, nghiền theo đường ống thu gom về hệ thống lọc bụi túi dưới tác dụng của quạt hút. Tại hệ thống lọc bụi túi các hạt bụi sẽ được giữ lại trên bề mặt túi lọc và định kỳ tự động rung giữ bụi để làm sạch túi lọc. Bụi sau rung giữ rơi xuống đáy hệ thống xử lý và được xả ra ngoài qua vít tải. Khí sạch được thoát ra ngoài qua các khe hở trên túi lọc (*không có ống thải ra môi trường*). Bụi thu từ hệ thống lọc bụi được đóng bao và chuyển sang làm nguyên liệu sản xuất viên nén, ván MDF, ván HDF.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: không sử dụng.

- Bụi phát sinh từ công đoạn xử lý bề mặt, cắt cạnh: bụi được thu gom, dẫn từ vị trí phát sinh bụi của các máy cắt cạnh, đánh bóng bằng hệ thống các đường ống nhựa, đường ống thép về công trình xử lý.

+ Công trình xử lý: gồm 01 hệ thống lọc bụi túi kèm theo đó là hệ thống quạt hút.

+ Quy trình vận hành: bụi phát sinh từ các máy cắt cạnh, đánh bóng theo đường ống thu gom về hệ thống lọc bụi túi dưới tác dụng của quạt hút. Tại hệ thống lọc bụi túi các hạt bụi sẽ được giữ lại trên bề mặt túi lọc và định kỳ tự động rung giữ bụi để làm sạch túi lọc. Bụi sau rung giữ rơi xuống đáy hệ thống xử lý và được xả ra ngoài qua vít tải. Khí sạch được thoát ra ngoài qua các khe hở trên túi lọc (*không có ống thải ra môi trường*). Bụi thu từ hệ thống lọc bụi được đóng bao và chuyển sang làm nguyên liệu sản xuất viên nén, ván MDF, ván HDF.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: không sử dụng.

- Bụi phát sinh từ quá trình sơn, sấy UV: bụi được thu gom, dẫn từ vị trí phát sinh bụi của các máy hút bụi bề mặt, trà, sơn UV bằng hệ thống các đường ống nhựa, đường ống thép về công trình xử lý.

+ Công trình xử lý: gồm 01 hệ thống lọc bụi túi kèm theo đó là hệ thống quạt hút.

+ Quy trình vận hành: bụi phát sinh từ các máy hút bụi bề mặt, trà, sơn UV theo đường ống thu gom về hệ thống lọc bụi túi dưới tác dụng của quạt hút. Tại hệ thống lọc bụi túi các hạt bụi sẽ được giữ lại trên bề mặt túi lọc và định kỳ tự động rung giữ bụi để làm sạch túi lọc. Bụi sau rung giữ rơi xuống đáy hệ thống xử lý và được xả ra ngoài qua vít tải. Khí sạch được thoát ra ngoài qua ống thải đường kính 0,6 m, chiều cao 30 m. Bụi thu từ hệ thống lọc bụi được đóng bao và chuyển sang làm nguyên liệu sản xuất viên nén, ván MDF, ván HDF.

+ Vật liệu sử dụng cho xử lý khí thải: không sử dụng.

- Khí thải từ các máy trải thảm, ép nóng: hơi keo từ các máy trải thảm, ép nóng được thu gom bằng đường ống thép dẫn về công trình xử lý (*tại mỗi máy có 01 chụp hút: chiều dài 03 m, chiều rộng 0,6 m*).

+ Công trình xử lý: gồm 01 tháp hấp phụ bằng than hoạt tính.

+ Quy trình vận hành: tại vị trí các máy trải thảm, máy ép nóng, hơi keo phát sinh sẽ được thu gom qua chụp hút và đường ống vào tháp hấp phụ thông qua quạt hút. Trong tháp hấp phụ, khí thải sẽ đi qua lớp vật liệu hấp phụ than hoạt

tính, các chất ô nhiễm trong khí thải sẽ được hấp phụ vào trong các mao quản của vật liệu hấp phụ. Khí sạch được thải ra ngoài qua ống thải đường kính 0,4 m, chiều cao 08 m. Định kỳ 3-6 tháng/lần thực hiện thay lớp than hoạt tính. Than sau khi thải bỏ được đưa về kho lưu giữ chất thải nguy hại, thuê đơn vị thu gom, xử lý theo quy định.

+ Vật liệu sử dụng cho xử lý khí thải: than hoạt tính.

- Bụi, khí thải lò đốt cấp nhiệt nồi hơi: bụi, khí thải được thu gom, dẫn từ lò đốt qua các công đoạn xử lý bằng đường ống thép.

+ Công trình xử lý: gồm 01 hệ thống Xyclone, tháp phun sương, bể sục nước.

+ Quy trình vận hành: bụi, khí thải phát sinh được dẫn theo đường ống vào Xyclone. Sau đó, bụi, khí thải được đẩy vào tháp phun sương, vào bể sục nước trước khi thải được thải ra môi trường qua ống khói đường kính 0,8m, chiều cao 20m. Hằng ngày, bụi từ Xyclone sẽ được công nhân thu gom đưa về khu vực tập kết chất thải rắn sản xuất. Nước thải và tro cặn của bể sục nước được xử lý với công trình và quy trình như nêu tại Phụ lục 2 Giấy phép này.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: không sử dụng.

3. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thực hiện vận hành công trình đảm bảo đúng quy trình.

- Thường xuyên kiểm tra, sửa chữa, bảo dưỡng để công trình hoạt động ổn định.

- Chuẩn bị sẵn sàng vật tư để phục vụ công tác sửa chữa, khắc phục khi có sự cố.

- Nâng cao trình độ quản lý kỹ thuật cho cán bộ môi trường về quá trình vận hành hệ thống xử lý.

- Khi có sự cố xảy ra nhanh chóng dừng ngay hoạt động phát sinh bụi, khí thải; tìm hiểu nguyên nhân sự cố và khắc phục kịp thời hạn chế tối đa phát sinh bụi, khí thải chưa qua xử lý ra môi trường; tập trung khắc phục sự cố, vận hành thử lại nếu ổn định tiếp tục hoạt động; chỉ hoạt động trở lại khi sự cố được khắc phục hoàn toàn.

4. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

4.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Thời gian vận hành thử nghiệm là 60 ngày kể từ khi hoàn thành việc đầu tư nâng cấp, cải tạo, bổ sung công trình xử lý bụi, khí nước thải đối với giai đoạn vừa hoạt động và thi công xây dựng. Riêng đối với công trình xử lý bụi, khí thải lò đốt cấp nhiệt cho nồi hơi 6 tấn tại xưởng SX-05 thì vận hành thử nghiệm trong thời gian 60 ngày kể từ thời điểm bắt đầu hoạt động trở lại.

Thời gian vận hành thử nghiệm là 60 ngày kể từ khi hoàn thành việc đầu tư mới công trình xử lý bụi, khí thải đối với giai đoạn hoạt động (*phần đầu tư mới*).

4.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

a) Vị trí lấy mẫu trong giai đoạn vừa hoạt động và thi công xây dựng

- Ống thải sau hệ thống xử lý khí thải các máy ép nóng tại xưởng SX01 (Nguồn thải số 02). Vị trí lấy mẫu (*theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 104⁰ 45' múi chiếu 3⁰*): X: 2402310; Y: 525826.

- Ống thải sau hệ thống xử lý khí thải các máy ép nóng tại xưởng SX-03 (Nguồn thải số 06). Vị trí lấy mẫu (*theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 104⁰ 45' múi chiếu 3⁰*): X: 2402170; Y: 525652.

- Ống khói lò đốt cấp nhiệt cho nồi hơi 6 tấn tại xưởng SX-05 (Nguồn thải số 07). Vị trí lấy mẫu (*theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 104⁰ 45' múi chiếu 3⁰*): X: 2402302; Y: 525249.

- Ống thải sau hệ thống xử lý khí thải nồi nấu, trộn keo tại xưởng SX-05 (Nguồn thải số 13). Vị trí lấy mẫu (*theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 104⁰ 45' múi chiếu 3⁰*): X: 2402196; Y: 525398.

- Ống thải sau hệ thống xử lý khí thải các máy ép nóng tại xưởng SX-05 (Nguồn thải số 14). Vị trí lấy mẫu (*theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 104⁰ 45' múi chiếu 3⁰*): X: 2402290; Y: 525344.

b) Vị trí lấy mẫu trong giai đoạn hoạt động

- Ống khói lò đốt cấp nhiệt cho nồi hơi 6 tấn tại xưởng SX-02 (Nguồn thải số 15). Vị trí lấy mẫu (*theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 104⁰ 45' múi chiếu 3⁰*): X: 2402343; Y: 525727.

- Ống khói lò đốt cấp nhiệt cho nồi hơi 6 tấn tại xưởng SX-09 (Nguồn thải số 16). Vị trí lấy mẫu (*theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 104⁰ 45' múi chiếu 3⁰*): X: 2401876; Y: 525754.

- Ống thải sau hệ thống lọc bụi khu vực sơn, sấy UV tại xưởng SX-09 (Nguồn thải số 17). Vị trí lấy mẫu (*theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 104⁰ 45' múi chiếu 3⁰*): X: 2401924; Y: 525745.

- Ống thải sau hệ thống xử lý khí thải các máy ép nóng, trải thảm tại xưởng SX09 (Nguồn thải số 18). Vị trí lấy mẫu (*theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 104⁰ 45' múi chiếu 3⁰*): X: 2401933; Y: 525877.

c) Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

4.3. Tần suất lấy mẫu: lấy 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp.

5. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

5.1. Trong giai đoạn vừa hoạt động và thi công xây dựng

- Hoàn thành việc nâng chiều cao ống khói thải, bổ sung công trình thu gom, xử lý khí thải các máy ép nóng trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép môi trường.

- Vận hành công trình xử lý bụi, khí thải đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải của các hoạt động thi công xây dựng.

5.2. Trong giai đoạn hoạt động

Vận hành công trình xử lý bụi, khí thải đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này.

PHỤ LỤC 02: CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 242/GPMT-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Giai đoạn vừa hoạt động dự án đã đầu tư và thi công xây dựng mở rộng nhà máy

a) Nước thải sản xuất

- Nước thải từ quá trình rửa dụng cụ sử dụng, pha chế keo: Tập kết các dụng cụ pha chế, sử dụng keo (*xô nhựa, thùng, chổi quét keo,...*) về tập trung tại khu rửa dụng cụ (*bố trí tại khu vực xưởng SX01*). Khu vực rửa dụng cụ này có nền bằng bê tông và hướng dòng chảy về bể chứa nước rửa dụng cụ. Xây dựng bổ sung 01 bể chứa nước rửa dụng cụ (*dung tích 4,5 m³*). Nước thải từ bể này được tuần hoàn, tái sử dụng cho việc phối trộn keo, không thải ra môi trường. Chủ đầu tư hoàn thành hạng mục bể chứa nước rửa dụng cụ này trong thời gian 02 tháng kể từ ngày được cấp Giấy phép môi trường. Trong thời gian chưa đầu tư hạng mục này thì không tiến hành rửa dụng cụ sử dụng, pha chế keo.

Quy trình vận hành: Nước thải từ quá trình rửa dụng cụ theo hướng dốc bề mặt chảy về bể chứa nước rửa dụng cụ. Nước thải tại bể này được tái sử dụng cho việc phối trộn keo. Chất thải rắn trong bể này được định kỳ nào vét và chuyển vào lưu giữ tại kho chứa chất thải nguy hại.

Hóa chất sử dụng: Không sử dụng.

- Nước thải từ hệ thống xử lý bụi, khí thải các lò đốt cấp nhiệt nồi hơi:

Tại khu vực xưởng SX-05: Lò đốt cấp nhiệt cho nồi hơi 06 tấn: Xây dựng bổ sung 01 bể lắng cặn 3 ngăn (*dung tích 15 m³*) để chứa nước thải, thu tro cặn xả ra từ bể chứa nước xử lý bụi, khí thải lò đốt. Thời gian hoàn thành trước khi đưa lò đốt này hoạt động trở lại. Trong thời gian chưa đầu tư hạng mục này thì không được hoạt động trở lại lò đốt cấp nhiệt này.

Lò đốt cấp nhiệt cho nồi hơi 10 tấn: Xây dựng bổ sung 01 bể lắng cặn (*dung tích 11 m³*) để chứa nước thải, thu tro cặn xả ra từ bể tuần hoàn nước thải sau xử lý bụi, khí thải lò đốt. Chủ đầu tư hoàn thành hạng mục này trong thời gian 02 tháng kể từ ngày được cấp Giấy phép môi trường. Trong thời gian chưa đầu tư hạng mục này thì không được xả nước và bùn cặn từ bể nước xử lý bụi, khí thải lò đốt ra môi trường.

Quy trình vận hành: Định kỳ 3 tháng/lần, Chủ đầu tư tiến hành xả toàn bộ nước và bùn cặn từ bể tuần hoàn nước thải sau xử lý bụi, khí thải lò đốt (*nồi 10 tấn*), bể chứa nước xử lý bụi, khí thải lò đốt (*nồi 6 tấn*) xuống bể lắng cặn 3 ngăn. Tại ngăn số 01, Chủ đầu tư bố trí vật liệu dạng bông lọc để giữ lại tro muội trong nước thải tại ngăn này. Nước thải sau đó chảy sang ngăn số 02, số 03. Tại ngăn số 03, nước thải được bơm tái sử dụng cho việc xử lý bụi, khí thải (*không thải ra môi trường*). Tro cặn được giữ lại ngăn số 01, chờ khô thì nạo vét, đóng bao đưa về khu tập kết chất thải rắn và chuyển giao cho đơn vị có nhu cầu.

Hóa chất sử dụng: Không sử dụng.

+ Tại khu vực xưởng SX01:

Xây dựng bổ sung 01 bể lắng cặn (*dung tích 11 m³*) để chứa nước thải, thu tro cặn xả ra từ bể chứa nước xử lý bụi, khí thải lò đốt. Công ty hoàn thành hạng mục này trong thời gian 02 tháng kể từ ngày được cấp GPMT. Trong thời gian chưa đầu tư hạng mục này thì không được xả nước và bùn cặn từ bể nước xử lý bụi, khí thải lò đốt ra môi trường.

Quy trình vận hành: Định kỳ 3 tháng/lần, Công ty tiến hành xả toàn bộ nước và bùn cặn từ bể chứa nước xử lý bụi, khí thải lò đốt xuống bể lắng cặn 3 ngăn. Tại ngăn số 01, Chủ đầu tư bố trí vật liệu dạng bông lọc để giữ lại tro muối trong nước thải tại ngăn này. Nước thải sau đó chảy sang ngăn số 02, số 03. Tại ngăn số 03, nước thải được bơm tái sử dụng cho việc xử lý bụi, khí thải (*không thải ra môi trường*). Tro cặn được giữ lại ngăn số 01, chờ khô thì nạo vét, đóng bao đưa về khu tập kết chất thải rắn và chuyên giao cho đơn vị có nhu cầu.

Hóa chất sử dụng: Không sử dụng.

+ Tại khu vực xưởng SX-03:

Chủ đầu tư sử dụng chung hạng mục bể lắng cặn được đầu tư bổ sung đối với lò đốt cấp nhiệt nồi hơi (*lò 10 tấn*) của xưởng SX-05.

Định kỳ 3 tháng/lần, Chủ đầu tư bơm toàn bộ nước và bùn cặn từ ngăn số 1 bể chứa nước xử lý bụi, khí thải lò đốt về bể lắng cặn thuộc công trình xử lý nước thải từ quá trình xử lý bụi, khí thải lò đốt cấp nhiệt nồi hơi (*lò 10 tấn*) của xưởng SX-05 để thu hồi tro cặn.

Hóa chất sử dụng: Không sử dụng.

b) Nước thải sinh hoạt

- Tiếp tục sử dụng 02 bể tự hoại (*mỗi bể dung tích 12m³*) xây dựng tại khu nhà vệ sinh thuộc xưởng SX-01 và SX-05. Tiếp tục sử dụng trạm xử lý nước thải sinh hoạt số 01 với công suất 10m³/ngày đêm (*gồm các hạng mục: hố thu gom, bể tổ hợp vi sinh, bể lắng*).

- Bố trí 02 nhà vệ sinh di động gồm 2 buồng vệ sinh (*kích thước 2,0m x 1,5m, dung tích bồn chứa chất thải 200l*) để thu gom và xử lý nước thải của công nhân xây dựng. Nước thải ra từ nhà vệ sinh di động được dẫn nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy.

- Thực hiện đầu tư bổ sung hệ thống đường ống thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt từ khu nhà bếp, nước thải tắm, giặt, rửa sàn, nước thải sau bể tự hoại (*thuộc xưởng SX-01*) để dẫn về trạm xử lý nước thải của nhà máy; đầu tư bổ sung thêm 01 trạm xử lý nước thải công suất 80m³/ngày đêm (*gồm các hạng mục: hố thu gom, bể tổ hợp vi sinh, bể lắng*) và 01 bể chứa nước thải để tuần hoàn (*dung tích 100 m³*). Chủ đầu tư hoàn thành các hạng mục này trong thời gian 02 tháng kể từ ngày được cấp Giấy phép môi trường.

- Quy trình vận hành: Toàn bộ nước thải sinh hoạt (*bồn cầu, chậu tiểu*) sau khi xử lý qua bể tự hoại, bồn chứa chất thải (*đối với nhà vệ sinh di động*) được dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung số 01 và 02. Nước thải từ quá trình khu nhà bếp, nước thải tắm, giặt, rửa sàn,... được dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung số 01 và

02. Toàn bộ nước thải chảy về hố thu gom và sau đó bơm lên bể tổ hợp vi sinh. Tại bể tổ hợp vi sinh không khí được cấp bằng hệ thống máy sục khí vào nước thải và dưới tác dụng của vi sinh vật, các chất ô nhiễm trong nước thải tiếp tục được xử lý. Sau khi qua bể tổ hợp vi sinh, nước thải được dẫn sang bể lắng. Sau khi qua bể lắng, nước thải chảy về bể chứa nước thải để tuần hoàn. Trên tuyến ống dẫn nước thải từ bể lắng về bể chứa nước thải để tuần hoàn, dung dịch Javen được cấp vào đường ống để khử trùng nước thải. Nước thải sinh hoạt chứa tại bể chứa nước thải để tuần hoàn sẽ được sử dụng để cấp nước cho nồi hơi (*không thải ra môi trường*).

- Hóa chất sử dụng: Javen.

c) Nước mưa chảy tràn

- Tiếp tục sử dụng hệ thống rãnh thu gom, thoát nước mưa chảy tràn hiện có (*hệ thống rãnh dọc đường nội bộ: chiều rộng 0,6 m, chiều sâu 0,8 m, tổng chiều dài 650 m; hệ thống rãnh thoát nước quanh nhà xưởng: chiều rộng 0,3m, chiều sâu 0,3 m, tổng chiều dài 2.100 m*). Nước mưa chảy tràn được thoát vào đầm nước thuộc Cụm công nghiệp Thịnh Hưng và rãnh thoát nước đường Hoàng Thi.

- Nước mưa tại các khu vực thi công: Đào rãnh tạm thu gom, thoát nước mưa chảy tràn xung quanh khu vực xây dựng (*chiều rộng 0,6 m, chiều sâu 0,6 m, chiều dài khoảng 800 m*). Trên hệ thống rãnh thu gom nước mưa có bố trí các hố ga (*dung tích 0,6 m³/hố; khoảng cách mỗi hố 40m/hố*). Nước mưa tại rãnh này được đầu nối vào hệ thống thoát nước dọc đường nội bộ hiện có. Định kỳ hằng tuần tiến hành nạo vét bùn đất trong hố ga. Bùn đất sau nạo vét được sử dụng trồng cây xanh.

d) Nước thải thi công: Sử dụng chung với hệ thống thu gom, thoát nước mưa tại các khu vực thi công nêu trên.

1.2. Giai đoạn hoạt động

a) Nước thải sản xuất

- Tiếp tục sử dụng công trình thu gom, xử lý, tuần hoàn các loại nước thải như: nước thải từ quá trình rửa dụng cụ sử dụng, pha chế keo; nước thải từ hệ thống xử lý bụi, khí thải các lò đốt cấp nhiệt nồi hơi (*tại các xưởng SX01, SX-03 và SX-05*) đã có và được đầu tư bổ sung trong giai đoạn vừa xây dựng và vừa hoạt động.

- Nước thải từ hệ thống xử lý bụi, khí thải lò đốt cấp nhiệt nồi hơi (*xưởng SX02, SX09*):

Với mỗi lò đốt cấp nhiệt cho nồi hơi thì đầu tư 01 bể lắng cặn (*dung tích 11 m³*) để chứa nước thải, thu tro cặn xả ra từ bể chứa nước xử lý bụi, khí thải lò đốt.

Quy trình vận hành: Định kỳ 3 tháng/lần, Chủ đầu tư tiến hành xả toàn bộ nước và bùn cặn từ bể chứa nước xử lý bụi, khí thải lò đốt xuống bể lắng cặn 3 ngăn. Tại ngăn số 01, Chủ đầu tư bố trí vật liệu dạng bông lọc để giữ lại tro muội trong nước thải tại ngăn này. Nước thải sau đó chảy sang ngăn số 02, số 03. Tại ngăn số 03, nước thải được bơm tái sử dụng cho việc xử lý bụi, khí thải (*không thải ra môi trường*). Tro cặn được giữ lại ngăn số 01, chờ khô thì nạo vét, đóng bao đưa về khu tập kết chất thải rắn và chuyển giao cho đơn vị có nhu cầu.

Hóa chất sử dụng: Không sử dụng.

b) Nước thải sinh hoạt:

- Tiếp tục sử dụng hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt được nâng cấp, cải tạo trong giai đoạn vừa hoạt động và vừa xây dựng. Đầu tư hệ thống đường ống thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt từ các khu vực đầu tư mới thuộc khu vực nhà nghỉ công nhân (NG-01), khu vực nhà điều hành (DH-01), khu vực nhà ăn số 01 và 02 (NA-01, NA-02), khu vực nhà làm việc kết hợp phòng nghỉ chuyên gia (LV+NCG) về 02 trạm xử lý nước thải số 01 và 02.

- Xây dựng 03 bể tự hoại (mỗi bể dung tích $12m^3$) cho các khu vệ sinh VS02, VS03, VS04 để xử lý nước thải từ bồn cầu, chậu tiểu.

- Tiếp tục sử dụng 02 trạm xử lý nước thải sinh hoạt với tổng công suất $90 m^3$ /ngày đêm, trong đó trạm số 01 công suất $10 m^3$ /ngày đêm (đã có) và trạm số 02 công suất $80 m^3$ /ngày đêm (được đầu tư bổ sung trong quá trình xây dựng) để xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt của dự án; tiếp tục sử dụng bể chứa nước thải để tuần hoàn (dung tích $100 m^3$).

- Quy trình vận hành: Toàn bộ nước thải sinh hoạt (bồn cầu, chậu tiểu của các khu nhà vệ sinh) sau khi xử lý qua bể tự hoại được dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung số 01 và 02. Nước thải từ quá trình khu nhà bếp, nước thải tắm, giặt, rửa sàn,... được dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung số 01 và 02. Toàn bộ nước thải chảy về hố thu gom và sau đó bơm lên bể tổ hợp vi sinh. Tại bể tổ hợp vi sinh không khí được cấp bằng hệ thống máy sục khí vào nước thải và dưới tác dụng của vi sinh vật, các chất ô nhiễm trong nước thải tiếp tục được xử lý. Sau khi qua bể tổ hợp vi sinh, nước thải được dẫn sang bể lắng. Sau khi qua bể lắng, nước thải được thu gom về bể chứa nước thải để tuần hoàn. Trên tuyến ống dẫn nước thải từ bể lắng về bể chứa nước thải để tuần hoàn, dung dịch Javen được cấp vào đường ống để khử trùng nước thải. Nước thải sinh hoạt chứa tại bể chứa nước thải để tuần hoàn sẽ được sử dụng để cấp nước cho nồi hơi (không thải ra môi trường).

- Hóa chất sử dụng: Javen.

c) Nước mưa chảy tràn:

Tiếp tục sử dụng hệ thống rãnh thu gom, thoát nước mưa chảy tràn hiện có.

Xây dựng mới hệ thống thu gom, thoát nước mưa đối với các hạng mục đầu tư trong dự án mở rộng: Hệ thống rãnh thu gom, thoát nước mưa dọc đường nội bộ (chiều rộng $0,6 m$, chiều sâu $0,8 m$, tổng chiều dài $1.765 m$), hệ thống rãnh thu gom, thoát nước mưa quanh nhà xưởng (chiều rộng $0,3 m$, chiều sâu $0,3 m$, tổng chiều dài $2.750 m$).

1.3. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thực hiện vận hành công trình đảm bảo đúng quy trình.
 - Thường xuyên kiểm tra, sửa chữa, bảo dưỡng để công trình hoạt động ổn định.
 - Chuẩn bị sẵn sàng vật tư để phục vụ công tác sửa chữa, khắc phục khi có sự cố.

- Nâng cao trình độ quản lý kỹ thuật cho cán bộ môi trường về quá trình vận hành hệ thống xử lý chất thải, ứng phó kịp thời với các trường hợp quá tải.

- Đầu tư 01 bể ứng phó sự cố nước thải với dung tích 100 m³/ngày đêm. Công ty hoàn thành các hạng mục này trong thời gian 02 tháng kể từ ngày được cấp Giấy phép môi trường.

- Khi có sự cố xảy ra nhanh chóng bơm nước thải về bể ứng phó sự cố, dừng hoạt động phát sinh nước thải; tìm hiểu nguyên nhân sự cố và khắc phục kịp thời không để nước thải chưa xử lý ra ngoài môi trường; tập trung khắc phục sự cố, vận hành thử lại nếu ổn định tiếp tục hoạt động; chỉ hoạt động trở lại khi sự cố được khắc phục hoàn toàn.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Thời gian vận hành thử nghiệm là 60 ngày kể từ khi hoàn thành việc đầu tư nâng cấp, cải tạo, bổ sung công trình xử lý nước thải đối với giai đoạn vừa hoạt động và thi công xây dựng.

Thời gian vận hành thử nghiệm là 60 ngày kể từ khi hoàn thành việc đầu tư mới công trình thu gom, xử lý nước thải đối với giai đoạn hoạt động.

2.2. Công trình xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm:

- Vị trí lấy mẫu: 01 mẫu nước thải sinh hoạt tại bể chứa nước thải để tuần hoàn.
- Tần suất lấy mẫu: Lấy 03 mẫu đơn.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Trong giai đoạn vừa hoạt động và thi công xây dựng

- Xây dựng mạng lưới thu gom, thoát nước thải và các công trình xử lý nước thải để thu gom, xử lý tất cả các loại nước thải của dự án, nước mưa chảy tràn và nước thải sinh hoạt đảm bảo các quy định hiện hành; tuần hoàn toàn bộ nước thải sản xuất, nước thải sinh hoạt (*không thải ra môi trường*).

- Hoàn thành nâng cấp, cải tạo các công trình thu gom, xử lý, tuần hoàn nước thải sản xuất, nước thải sinh hoạt, bể ứng phó sự cố nước thải sinh hoạt trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép môi trường.

3.2. Trong giai đoạn hoạt động

Xây dựng mạng lưới thu gom, thoát nước thải và các công trình xử lý nước thải để thu gom, xử lý tất cả các loại nước thải của dự án, nước mưa chảy tràn và nước thải sinh hoạt đảm bảo các quy định hiện hành; tuần hoàn toàn bộ nước thải sản xuất, nước thải sinh hoạt (*không thải ra môi trường*).

PHỤ LỤC 03:
YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: ~~843~~GPMT-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

1.1. Giai đoạn vừa hoạt động và thi công xây dựng: Tiếng ồn phát sinh do hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án.

1.2. Giai đoạn hoạt động: Trong giai đoạn hoạt động, dự án sẽ phát sinh tiếng ồn từ hoạt động các máy móc, thiết bị sản xuất; quá trình sinh hoạt của công nhân viên trong dự án.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Vị trí phát sinh: các máy móc của dây chuyền sản xuất, phương tiện ra vào và sinh hoạt của công nhân viên.

- Tọa độ khu vực phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $104^{\circ} 45'$ múi chiếu 3°):

STT	Tọa độ	
	X(m)	Y(m)
I	Xưởng SX01	
1	2402244	525749
2	2402333	525830
3	2402293	525874
4	2402203	525794
II	Xưởng SX02	
1	2402232	525727
2	2402284	525773
3	2402411	525631
4	2402359	525585
III	Xưởng SX-03	
1	2402230	525683
2	2402276	525631
3	2402187	525551
4	2402141	525603
IV	Xưởng SX-05	
1	2402312	525317
2	2402312	525437
3	2402192	525317

STT	Tọa độ	
	X(m)	Y(m)
4	2402192	525437
V	Xưởng SX09	
1	2401951	525754
2	2401951	525904
3	2401882	525904
4	2401882	525754

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, cụ thể như sau:

- Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	6 tháng/lần	<i>Khu vực thông thường</i>

- Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	6 tháng/lần	<i>Khu vực thông thường</i>

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

1.1. Giai đoạn vừa hoạt động và thi công xây dựng

a) Hoạt động thi công xây dựng

- Xây dựng kế hoạch thi công hợp lý, hạn chế hoạt động đồng thời các máy móc, thiết bị xây dựng.

- Tính toán, chọn các thiết bị thi công có mức ồn thấp, chọn vị trí đặt thiết bị gây ồn phù hợp sao cho giá trị mức ồn không cộng hưởng. Tắt những máy móc hoạt động gián đoạn nếu thấy không cần thiết để giảm mức ồn tích lũy đến mức thấp nhất.

- Tất cả các phương tiện và máy móc phải được kiểm định trước khi đưa vào sử dụng. Bảo trì máy móc thiết bị và phương tiện định kỳ 3 tháng/lần trong thời gian thi công.

- Công nhân thi công tại công trường được trang bị loại bảo hộ lao động.

- Bao che xung quanh khu vực dự án bằng hàng rào tôn (*chiều cao 03 m*).

b) Hoạt động của các máy móc, thiết bị sản xuất: Bao che kín xung quanh nhà xưởng sản xuất; xây dựng tường rào bao quanh nhà máy (*chiều cao 02 m*);

trang bị nút bịt tại cho công nhân để giảm thiểu tiếng ồn; thường xuyên bảo dưỡng các thiết bị máy móc để hoạt động tốt; trồng cây xanh trong dự án; bố trí hợp lý nhân lực làm việc trong các khu vực ô nhiễm ồn, rung, nhằm đảm bảo sức khỏe lâu dài cho các công nhân.

1.2. Giai đoạn hoạt động

Tiếp tục thực hiện các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn như đã thực hiện đối với các máy móc, thiết bị sản xuất như đã nêu trong giai đoạn vừa hoạt động và thi công xây dựng.

Các nhà xưởng đầu tư mới thực hiện bao che kín xung quanh; trồng bổ sung cây xanh trong khuôn viên dự án; hoàn thiện hàng rào bao xung quanh toàn bộ dự án (*tường gạch với chiều cao 02 m*); xây dựng các móng máy đảm bảo chắc chắn; có các biển báo hạn chế tốc độ đối với các phương tiện ra vào khu vực; điều tiết lượng phương tiện ra vào dự án hợp lý.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại mục A phụ lục này và theo quy chuẩn quốc gia về môi trường cho phép.

PHỤ LỤC 04:
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ
ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 043GPMT-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Giai đoạn vừa hoạt động và thi công xây dựng

- Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sản xuất:

+ Bavias, palet, bụi gỗ từ công trình xử lý bụi: Khối lượng phát sinh khoảng 08 tấn/ngày đêm; bao bì carton, giấy, bao bì rách, dây buộc hàng... với một lượng trung bình 40 kg/ngày.

+ Tro thải từ lò đốt với tổng lượng phát sinh khoảng 400 kg/ngày; tro muối từ nạo vét các bể xử lý nước thải phát sinh trong quá trình xử lý bụi, khí thải lò đốt với tổng lượng phát sinh khoảng 60 kg/ngày.

- Khối lượng, chủng loại chất thải rắn xây dựng: Khối lượng chất thải rắn phát sinh trong quá trình thi công do nguyên vật liệu rơi vãi, phế thải, vỏ bao xi măng, cốt thép, mảnh gỗ vụn, gạch vỡ... khoảng 9,5 tấn/giai đoạn (tương đương 40 kg/ngày).

- Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt: phát sinh chủ yếu là thức ăn, rau, củ quả thừa, túi ni lông, hộp xốp, chai nhựa,... với khối lượng khoảng 190 kg/ngày.

- Chất thải nguy hại: phát sinh chủ yếu là: giẻ lau, găng tay, vỏ chai đựng dầu nhớt, que hàn thải, các bộ phận hỏng của máy móc dính dầu mỡ, bóng đèn cháy, hỏng, chất kết dính thải trong quá trình sản xuất... với khối lượng khoảng 1,26 tấn/năm, cụ thể như sau:

STT	Loại CTNH	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại thông thường	Khối lượng (kg/năm)
1	Pin, ắc quy thải	16 01 12	Rắn	170
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	76
3	Các loại dầu mỡ thải	16 01 08	Rắn/lỏng	320
4	Giẻ lau dính dầu	18 02 01	Rắn	40
5	Hộp chứa mực in	08 02 04	Rắn	15
6	Chất kết dính thải trong quá trình sản xuất	08 03 01	Rắn	400
7	Giẻ lau, găng tay	18 02 01	Rắn	60

STT	Loại CTNH	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại thông thường	Khối lượng (kg/năm)
8	Vỏ chai đựng dầu nhớt	18 01 02	Rắn	60
9	Các bộ phận hỏng của máy móc có dính dầu mỡ	19 12 02	Rắn	5
10	Vải thấm lọc dầu	18 01 01	Rắn	120
Tổng cộng:				1.266

1.2. Giai đoạn hoạt động

- Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sản xuất:

+ Bavaria, palet, bụi gỗ từ công trình xử lý bụi, mùn cưa, viên nén không đạt tiêu chuẩn: Khối lượng phát sinh khoảng 14,8 tấn/ngày đêm; bao bì carton, giấy, bao bì rách, dây buộc hàng... với một lượng trung bình 60 kg/ngày.

+ Tro thải từ lò đốt với tổng lượng phát sinh khoảng 560 kg/ngày; tro muối từ nạo vét các bể xử lý nước thải phát sinh trong quá trình xử lý bụi, khí thải lò đốt với tổng lượng phát sinh khoảng 84 kg/ngày.

- Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt: phát sinh chủ yếu là thức ăn, rau, củ quả thừa, túi ni lông, hộp xốp, chai nhựa,... với khối lượng khoảng 900 kg/ngày.

- Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh: giẻ lau, găng tay, bóng đèn cháy, hỏng, chất kết dính thải trong quá trình sản xuất... với khối lượng trung bình khoảng 02 tấn/năm, cụ thể như sau:

TT	Loại CTNH	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại thông thường	Khối lượng (kg/năm)
1	Pin, ắc quy thải	16 01 12	Rắn	90
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	70
3	Các loại dầu mỡ thải	16 01 08	Rắn/lỏng	170
4	Giẻ lau dính dầu	18 02 01	Rắn	70
5	Hộp chứa mực in	08 02 04	Rắn	25
6	Than hoạt tính đã qua sử dụng	12 01 04	Rắn	780
7	Chất kết dính thải trong quá trình sản xuất	08 03 01	Rắn	800
Tổng				2.005

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Giai đoạn vừa hoạt động và thi công xây dựng

- Chất thải rắn sản xuất:

+ Bavia, palet được tận dụng làm nguyên liệu cho lò đốt tại nhà máy;

+ Bụi từ các công trình xử lý bụi được tận dụng làm chất đốt hoặc chuyển cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu.

+ Tro, muội từ lò đốt: Thu gom chứa trong các thùng tôn và tập kết tại khu tập kết chất thải rắn sản xuất trước khi chuyển giao cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu.

+ Tro, muội từ nạo vét các bể nước từ công trình xử lý lý bụi, khí thải lò đốt: Thu gom, đóng bao và chuyển về lưu giữ tại khu tập kết chất thải rắn sản xuất trước khi chuyển giao cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu.

+ CTR sản xuất khác như bao bì carton, giấy, bao bì rách, dây buộc hàng... được thu gom về khu tập kết chất thải rắn sản xuất và bán cho các đơn vị thu mua phế liệu.

Sử dụng 01 khu tập kết chất thải rắn sản xuất với diện tích 50 m² (*nền bê tông, có mái che và quây kín xung quanh; bố trí từng khu lưu giữ riêng cho từng loại chất thải*).

- Khối lượng, chủng loại chất thải rắn xây dựng:

+ Đối với các loại gạch, đá, và các vật liệu khác phát sinh trong quá trình xây dựng được thu gom để san lấp nền trong dự án;

+ Chất thải có khả năng tái chế như sắt, thép, vỏ bao xi măng... được chuyển cho các cơ sở thu mua phế liệu.

- Chất thải rắn sinh hoạt:

Bố trí 24 thùng rác nhựa có nắp đậy loại 100 lít tại các khu nhà văn phòng, khu xưởng sản xuất, khu vực thi công. Thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt thành 03 loại: chất thải hữu cơ, chất thải có khả năng tái chế và chất thải khác.

Chất thải có khả năng tái chế sẽ chuyển cho các cơ sở thu mua phế liệu; chất thải hữu cơ và chất thải khác (*ngoài chất thải nguy hại*) thuê Công ty Cổ phần Môi trường và Năng lượng Nam Thành Yên Bái thu gom, vận chuyển, xử lý; chất thải nguy hại chuyển về khu vực lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại.

Xây dựng bổ sung 01 khu lưu giữ tạm thời chất thải rắn sinh hoạt diện tích 20 m² (*có mái che, nền bê tông; tại khu vực số 26 trên tổng mặt bằng*). Chủ đầu tư hoàn thiện việc xây dựng bổ sung khu lưu giữ này trong thời gian 02 tháng kể từ khi được cấp Giấy phép môi trường.

- Chất thải nguy hại (CTNH): Sử dụng kho lưu giữ chất thải nguy hại (*gần khu vực xưởng SX-05*) với diện tích 16 m², tường bao kín xung quanh, mái lợp tôn; bố trí đầy đủ dụng cụ lưu giữ tạm thời CTNH; thuê đơn vị có đủ chức năng

vận chuyển, xử lý CTNH theo quy định Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Giai đoạn hoạt động

- Chất thải rắn sản xuất:

+ Bavaria, palet được tận dụng làm nguyên liệu cho lò đốt tại nhà máy.

+ Bụi từ các công trình xử lý bụi được sử dụng làm nguyên liệu sản xuất viên nén, ván HDF, ván MDF.

+ Tro, muội từ lò đốt: Thu gom chứa trong các thùng tôn và tập kết tại khu tập kết chất thải rắn sản xuất trước khi chuyển giao cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu.

+ Tro, muội từ nạo vét các bể nước từ công trình xử lý lý bụi, khí thải lò đốt: Thu gom, đóng bao và chuyển về lưu giữ tại khu tập kết chất thải rắn sản xuất trước khi chuyển giao cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu.

+ Mùn cưa, viên nén (*không đạt tiêu chuẩn*): Được thu gom tận dụng để sản xuất viên nén hoặc làm chất đốt.

+ Chất thải rắn sản xuất khác như bao bì carton, giấy, bao bì rách, dây buộc hàng... được thu gom về khu tập kết chất thải rắn sản xuất và bán cho các đơn vị thu mua phế liệu.

Xây dựng 01 khu tập kết chất thải rắn sản xuất với diện tích 50 m² (*nền bê tông, có mái che và quây kín xung quanh; bố trí từng khu lưu giữ riêng cho từng loại chất thải*).

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 39 thùng rác nhựa có nắp đậy loại 100 lít tại các khu nhà văn phòng, khu xưởng sản xuất. Thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt thành 03 loại: chất thải hữu cơ, chất thải có khả năng tái chế và chất thải khác. Xây dựng 01 khu lưu giữ tạm thời chất thải rắn sinh hoạt diện tích 20 m² (*có mái che, nền bê tông; tại khu vực số 26 trên tổng mặt bằng*). Chất thải có khả năng tái chế sẽ chuyển cho các cơ sở thu mua phế liệu; chất thải hữu cơ và chất thải khác (*ngoài chất thải nguy hại*) thuê Công ty Cổ phần Môi trường và Năng lượng Nam Thành Yên Bái thu gom, vận chuyển, xử lý; chất thải nguy hại chuyển về khu vực lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại.

- Chất thải nguy hại: Sử dụng kho lưu giữ chất thải nguy hại đã có của Nhà máy (*gần khu vực xưởng SX-05*) với diện tích 16 m², tường bao kín xung quanh, mái lợp tôn; bố trí đầy đủ dụng cụ lưu giữ tạm thời CTNH; thuê đơn vị có đủ chức năng vận chuyển, xử lý CTNH theo quy định Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Giai đoạn vừa hoạt động và thi công xây dựng

1.1. Phòng ngừa, ứng phó sự cố nổ nồi hơi

Kiểm tra, bảo trì định kỳ nồi hơi theo quy định, trong đó có các van an toàn,

bộ phận giám áp,...; tiếp tục đào tạo, huấn luyện kỹ năng vận hành cho nhân viên vận hành lò; thường xuyên kiểm tra nguồn nhiệt cấp, lượng nước trong nồi hơi; di chuyển người và các thiết bị xung quanh nơi xảy ra sự cố đến nơi an toàn; ngừng cung cấp nhiên liệu vào lò đốt cấp nhiệt cho nồi hơi; tập trung khắc phục sự cố.

1.2. Phòng ngừa, ứng phó sự cố công trình xử lý chất thải

Thực hiện như nội dung tại Phụ lục 1 và 2 Giấy phép này.

2. Giai đoạn hoạt động

Tiếp tục thực hiện như giai đoạn vừa hoạt động và thi công xây dựng.

PHỤ LỤC 05:
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 843/GPMT-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)*

Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung theo Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường được phê duyệt và các nội dung tại Giấy phép này; tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật có liên quan, đặc biệt lưu ý tuân thủ các yêu cầu cụ thể sau:

1. Các công trình bảo vệ môi trường của dự án phải được thiết kế và xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng. Chủ đầu tư phải chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong suốt quá trình triển khai dự án.

2. Tổ chức thi công xây dựng theo đúng tọa độ, ranh giới, diện tích được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

3. Xây dựng mạng lưới thu gom, thoát nước thải và các công trình xử lý nước thải để thu gom, xử lý tất cả các loại nước thải của dự án, nước mưa chảy tràn và nước thải sinh hoạt; tuần hoàn toàn bộ nước thải sản xuất, nước thải sinh hoạt (*không thải ra môi trường*).

4. Xây dựng hệ thống thu gom, công trình xử lý và hệ thống thoát bụi, khí thải để thu gom, xử lý tất cả các loại bụi, khí thải của dự án đảm bảo các Quy chuẩn (*quy chuẩn về bụi, khí thải và quy chuẩn về môi trường lao động*). Trong quá trình hoạt động, nếu không đảm bảo đối với các công trình bảo vệ môi trường, Chủ đầu tư phải tiếp tục đầu tư nâng cấp, bổ sung công trình xử lý bụi, khí thải đảm bảo các quy chuẩn hiện hành và không làm ảnh hưởng đến người dân và môi trường xung quanh.

5. Thực hiện quản lý các loại chất thải phát sinh trong quá trình thực hiện dự án (*chất thải rắn, chất thải nguy hại, ...*) đảm bảo theo quy định.

6. Tuyệt đối không sử dụng các loại máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất và các vật liệu khác bị cấm sử dụng tại Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành.

7. Lập và thông báo Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án đến Sở Tài nguyên và Môi trường trước ít nhất 10 ngày, kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát.

8. Thực hiện nghiêm chỉnh Chương trình quản lý, giám sát, quan trắc môi trường như đã đề xuất trong Báo cáo; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát môi trường và định kỳ báo cáo cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường; bảo đảm

kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình giám sát môi trường như đã nêu trong Báo cáo.

9. Thực hiện các yêu cầu của cơ quan chức năng trong quá trình thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về môi trường đối với dự án.

10. Có trách nhiệm hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra thực hiện kế hoạch quản lý môi trường, việc triển khai các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan đến dự án khi được yêu cầu./.